

## THÔNG BÁO

### Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2024 (bổ sung)

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2024 (bổ sung), như sau:

#### I. Ngành đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	8810103	15

#### II. Hình thức và thời gian đào tạo

Hình thức đào tạo bao gồm hình thức chính quy và vừa làm vừa học, áp dụng chương trình định hướng ứng dụng.

Thời gian đào tạo: Đối với hình thức đào tạo chính quy là 1,5 năm (18 tháng); đối với hình thức đào tạo vừa làm vừa học là 2,0 năm (24 tháng). Trong đó:

- Chính quy: Học trong tuần và thứ Bảy.
- Vừa làm vừa học: Học cuối tuần.

**Ghi chú:** Học viên có thể đăng ký lựa chọn học theo hình thức học phù hợp. Nhà trường căn cứ vào số lượng học viên đăng ký để ra quyết định thành lập lớp.

#### III. Phương thức, điều kiện tuyển sinh và chính sách ưu tiên

##### 1. Phương thức tuyển sinh

Tuyển sinh theo phương thức xét tuyển.

##### 2. Điều kiện tuyển sinh

###### a. Đối với công dân Việt Nam

Tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành dự tuyển ở Phụ lục I và đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ.

###### b. Đối với công dân nước ngoài

Tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành dự tuyển (Phụ lục I), đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt và các yêu cầu khác đối với người nước ngoài học tập tại Việt Nam.

### c. Học bổ sung

- Đối tượng học bổ sung: Tốt nghiệp đại học ngành phù hợp với ngành dự tuyển, Hội đồng chuyên môn của Đơn vị đào tạo xem xét đề nghị Trường đơn vị đào tạo đề xuất danh sách thí sinh học bổ sung ngành của chương trình đại học (nếu cần thiết).

- Việc học bổ sung phải hoàn thành trước khi thí sinh dự tuyển và người học bổ sung phải đóng học phí các học phần bổ sung theo mức học phí quy định đối với hệ đại học chính quy của Nhà trường.

### d. Yêu cầu về ngoại ngữ

Người dự tuyển thỏa mãn một trong những yêu cầu sau:

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

- Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội cấp trong thời gian không quá 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

- Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Phụ lục II) hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển;

- Căn cứ vào tình hình thực tế, việc đánh giá năng lực ngoại ngữ đầu vào có thể do Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội tổ chức thực hiện.

**Ghi chú:** Nếu người dự tuyển có văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải có công nhận về văn bằng tốt nghiệp của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## 3. Chính sách ưu tiên tuyển sinh

### a. Đối tượng ưu tiên

- Thí sinh là nữ ưu tiên theo quy định tại khoản 4, Điều 16 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 về các biện pháp đảm bảo bình đẳng giới và mục d khoản 1 Điều 17 của Thông tư 23/2021/TT-BGDĐT về xây dựng chính sách thúc đẩy bình đẳng giới trong đào tạo thạc sĩ nhằm góp phần thực hiện mục tiêu của chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong lĩnh vực giáo dục đào tạo;

- Điểm của tạp chí nếu thí sinh có công trình công bố khoa học trên tạp chí;

- Tham gia đề tài nghiên cứu khoa học: Cấp Nhà nước, Cấp Bộ/Tỉnh, cấp Trường (theo thứ tự ưu tiên theo cấp đề tài);

- Người dân tộc thiểu số;

- Bản thân là thương binh, bệnh binh; là con đẻ của người liệt sĩ, thương binh.

1. G  
R U O  
H A I H  
N G N  
H A I  
1

## b. Chính sách ưu tiên

Trường hợp có nhiều thí sinh cùng mức điểm thì xác định người trúng tuyển theo mức độ ưu tiên trên.

## IV. Hồ sơ tuyển sinh, điều kiện trúng tuyển và mức học phí

**1. Hồ sơ tuyển sinh bao gồm:** Đơn đăng ký dự tuyển; Sơ yếu lý lịch; Bản sao Bằng và Bảng điểm bậc Đại học; Giấy chứng nhận sức khỏe; 04 ảnh 3x4 cm; Bản sao CCCD; Giấy xác nhận được hưởng chính độ ưu tiên (nếu có); Xác nhận trình độ ngoại ngữ (nếu có). Bản mềm các mẫu biểu được cung cấp trên website: <https://cps.hau.edu.vn/vn/cac-bieu-mau>

### 2. Điều kiện trúng tuyển

Căn cứ vào số lượng hồ sơ đăng ký dự tuyển, chỉ tiêu tuyển sinh, Hiệu trưởng nhà trường quyết định tỷ lệ (%) xét tuyển theo từng ngành đào tạo và căn cứ điểm trung bình chung tích lũy bậc đại học Hội đồng tuyển sinh xác định phương án trúng tuyển. Đối với công dân nước ngoài, nhà trường căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học và trình độ tiếng Việt để xét tuyển. Trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thoả thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến học tập trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thoả thuận hợp tác đó.

### 3. Mức học phí, lệ phí xét tuyển/dự tuyển

- Mức học phí: xem tại website: <https://www.hau.edu.vn>
- Lệ phí xét tuyển/dự tuyển: 500.000 đồng/1 thí sinh.

## V. Chính sách học bổng tuyển sinh đầu vào

**1. Học bổng 100% mức học phí toàn khóa học được cấp cho học viên nhập học mà trong quá trình học đại học thuộc một trong các trường hợp dưới đây:**

- a. Đạt huy chương Vàng (giải Nhất) trong các kỳ thi Olympic quốc gia; huy chương Đồng (giải Ba) trở lên kỳ thi Olympic quốc tế;
- b. Đạt giải Nhất các cuộc thi chuyên môn cấp quốc gia; giải Ba trở lên cuộc thi chuyên môn cấp quốc tế (Robocon, xe tiết kiệm nhiên liệu, Procon,...);
- c. Đạt giải Nhất sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ;
- d. Là tác giả thứ nhất, đứng tên Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội (HaUI) của ít nhất 01 bài báo thuộc danh mục WoS/SCOPUS được xếp hạng Q2 trở lên;
- e. Là tác giả hoặc đồng tác giả của ít nhất 01 kết quả nghiên cứu ứng dụng khoa học, công nghệ đã đăng ký và được cấp bằng độc quyền giải pháp hữu ích quốc tế/quốc gia.

**2. Học bổng 70% mức học phí toàn khóa học được cấp cho học viên nhập học mà trong quá trình học đại học thuộc một trong các trường hợp dưới đây:**

- a. Đạt huy chương Bạc/Đồng (giải Nhì/Ba) trong các kỳ thi Olympic quốc gia;
- b. Đạt giải Nhì/Ba các cuộc thi chuyên môn cấp quốc gia;
- c. Đạt giải Nhì/Ba sinh viên nghiên cứu khoa học cấp Bộ;

NG  
JC  
3111  
101

d. Là tác giả thứ nhất, đứng tên HaUI của ít nhất 01 bài báo thuộc danh mục WoS/SCOPUS.

3. Học bổng 50% mức học phí toàn khóa học được cấp cho học viên nhập học mà trong quá trình học đại học đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a. Có điểm trung bình chung học tập hệ đại học từ mức 3.60 (thang điểm 4 hoặc được quy đổi, xếp loại Xuất sắc);

b. Giải Nhất sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường hoặc là tác giả thứ nhất, đứng tên HaUI của ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học từ 0,75 điểm trở lên hoặc 01 báo cáo quốc tế có phản biện, đăng đầy đủ trên kỷ yếu hội thảo có chỉ số xuất bản hoặc 01 bài báo đăng trên tạp chí Khoa học và Công nghệ-HaUI.

4. Học bổng 30% mức học phí toàn khóa học được cấp cho học viên nhập học mà trong quá trình học đại học đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a. Có điểm trung bình chung học tập hệ đại học từ mức 3.60-4.0 (thang điểm 4 hoặc được quy đổi, xếp loại Xuất sắc);

b. Có điểm trung bình chung học tập hệ đại học từ mức 3.20-3.59 (thang điểm 4 hoặc được quy đổi, xếp loại Giỏi) và đạt một trong các thành tích sau: Giải Nhất sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường trở lên hoặc là tác giả thứ nhất, đứng tên HaUI của ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học từ 0,75 điểm trở lên/01 báo cáo quốc tế có phản biện và đăng đầy đủ trên kỷ yếu hội thảo có chỉ số xuất bản/01 bài báo đăng trên tạp chí Khoa học và Công nghệ-HaUI.

5. Học bổng 20% mức học phí toàn khóa học được cấp cho học viên nhập học mà trong quá trình học đại học đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a. Có điểm trung bình chung học tập hệ đại học từ mức 3.20-3.59 (thang điểm 4 hoặc được quy đổi, xếp loại Giỏi);

b. Có điểm trung bình chung học tập hệ đại học từ mức 2.50-3.19 (thang điểm 4 hoặc được quy đổi, xếp loại Khá) và đạt một trong các thành tích sau: Giải Nhất sinh viên nghiên cứu khoa học cấp trường hoặc là tác giả thứ nhất, đứng tên HaUI của ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí khoa học từ 0,75 điểm trở lên/01 báo cáo quốc tế có phản biện và đăng đầy đủ trên kỷ yếu hội thảo có chỉ số xuất bản/01 bài báo đăng trên tạp chí Khoa học và Công nghệ-HaUI.

**Ghi chú:** Học bổng được cấp đều trong các học kỳ theo thời gian thiết kế khóa học và người học phải đủ điều kiện để duy trì học bổng theo Quy định của Nhà trường.

## VI/ Thời gian tuyển sinh (Dự kiến)

Stt	Nội dung	Thời gian
1	Phát hành hồ sơ	Liên tục trong giờ hành chính hoặc tải về ở địa chỉ <a href="https://cps.haui.edu.vn/vn/cac-bieu-mau">https://cps.haui.edu.vn/vn/cac-bieu-mau</a>
2	Nhận hồ sơ	Đến hết ngày 26/10/2024
3	Học bổ sung	1/10÷20/10/2024
4	Tổ chức xét tuyển	27/10/2024
5	Công bố kết quả xét tuyển	28/10/2024
6	Khởi giảng khóa học	14/11/2024



**VI/ Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ tuyển sinh****Văn phòng Trung tâm Đào tạo Sau đại học**

- Phòng 1006, Tầng 10, Nhà A1, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội  
Số 298 Đường Cầu Diễn, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

- Phòng 101, Nhà C18, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Phường Lê  
Hong Phong, TP. Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam.

Điện thoại: 0915397779

Các thông tin khác tham khảo tại Website: <http://www.hau.edu.vn>. ✓

**Nơi nhận:**

- Các đơn vị trong trường;
- Website, Hệ thống Egov;
- Lưu: VT, SDH.

**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**PHÓ HIỆU TRƯỞNG  
Nguyễn Văn Thiện**

**Phụ lục I.**  
**DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP**

(Kèm theo Thông báo số: 203/TB-ĐHCN ngày 11 tháng 9 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Stt	Mã ngành	Tên ngành đào tạo	Ghi chú
1.	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	Không phải học bổ sung
2.	7810101	Du lịch	
3.	7810201	Quản trị khách sạn	
4.	7810202	Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống	
5.	7340101	Quản trị kinh doanh	Phải học bổ sung
6.	7340115	Marketing	
7.	7340120	Kinh doanh quốc tế	
8.	7340121	Kinh doanh thương mại	
9.	7340122	Thương mại điện tử	
10.	7340401	Khoa học quản lý	
11.	7340403	Quản lý công	
12.	7340104	Quản trị nhân lực	
13.	7340106	Quản trị văn phòng	
14.	7340109	Quản lý dự án	
15.	7220101	Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	
16.	7220112	Văn hóa các dân tộc thiểu số	
17.	7220201	Ngôn ngữ Anh	
18.	7220202	Ngôn ngữ Nga	
19.	7220203	Ngôn ngữ Pháp	
20.	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	
21.	7220205	Ngôn ngữ Đức	
22.	7220209	Ngôn ngữ Nhật	
23.	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	
24.	7229010	Lịch sử	
25.	7229040	Văn hóa học	
26.	7229042	Quản lý văn hóa	
27.	7229047	Di sản học	
28.	7310501	Địa lý	
29.	7310608	Đông phương học	
30.	7310630	Việt nam học	

Phụ lục II.

**BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỊNH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ  
TƯƠNG ĐƯƠNG CẤP ĐỘ 3/6 KHUNG NĂNG LỰC NGOẠI NGỮ 6 BẬC  
DÙNG CHO VIỆT NAM ÁP DỤNG TRONG TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO  
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

(Kèm theo Thông báo số: 203/TB-ĐHCN ngày 11 tháng 9 năm 2024  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ/Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
		TOEFL ITP	450-499	
		IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160-179
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1	ТРКИ-2